

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
TP. HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **1004/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-9-2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên
2. Ông Phạm Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1188/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 186/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu N**, sinh năm: 1990; Địa chỉ: 3C41 ấp 3, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Chị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
2. Bị đơn: Anh **Trần Công T**, sinh năm: 1991; Địa chỉ: 3C41 ấp 3, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 18/4/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án
- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu N trình bày:

Chị và anh Trần Công T bắt đầu chung sống từ năm 2008, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 04/7/2011. Thời gian đầu anh chị chung sống cũng hạnh phúc, đến năm 2019 thì mâu thuẫn trầm trọng nhất, nguyên nhân là do anh T ham mê rượu chè rồi về đánh đập vợ con, không chăm lo làm ăn. Đến tháng 4 năm 2019, chị và anh T đi đến thống nhất là ly hôn nhưng do anh T không chịu đến

Trung tâm hòa giải để giải quyết. Sau đó, anh T bỏ đi đâu không rõ từ cuối tháng 4 năm 2019 cho đến nay.

Về con chung, chị và anh T chung sống có hai con chung tên Trần Công P, sinh ngày 15/3/2009 và Trần Thị Thiên M, sinh ngày 20/7/2011. Hiện các con đang ở với chị, vì vậy khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy T tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng anh Trần Công T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh luận của các bên đương sự thì xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Trần Công T. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã Phạm Văn Hai thì anh T có đăng ký tạm trú tại địa chỉ 3C41 ấp 3, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh nhưng đã bỏ địa phương đi từ tháng 01/2020, đi đâu không rõ, vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với bị đơn anh Trần Công T, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy T tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cho anh Trần Công T nhưng anh T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 111, Quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/7/2011 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N xác định giữa chị và anh T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T không có trách nhiệm với gia đình, bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp. Vì vậy, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân thì không nắm được mâu thuẫn giữa chị N và anh T. Tuy nhiên, việc chị N và anh T mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân là có diễn ra, cụ thể là anh T đã bỏ đi từ tháng 01/2020 cho đến nay. Anh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa chị N và anh T đã không đạt được, do đó, chị N yêu cầu ly hôn đối với anh T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về con chung: Chị N xác nhận giữa chị và anh T có hai con chung tên Trần Công P, sinh ngày 15/3/2009 và Trần Thị Thiên M, sinh ngày 20/7/2011. Hiện các trẻ đang sống với chị N nên chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi các con chung khi ly hôn, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

[7.1] Về quyền nuôi con sau khi ly hôn: Theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 05/02/2020, trẻ P và trẻ M đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị N. Mặt khác, do anh T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến, nguyện vọng của mình đối với các con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét khả năng của các đương sự về việc đảm bảo cuộc sống ổn định, tinh thần cho con sau khi ly hôn cũng như căn cứ vào nguyện vọng của trẻ theo quy định khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao trẻ P và trẻ M cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

[7.2] Về cấp dưỡng, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị nên Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T.

[8] Về tài sản chung: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh T vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của anh về tài sản chung giữa anh và chị N. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề tài sản chung theo yêu cầu

của chị N, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[9] Về nợ chung: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh T vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của anh về nợ chung giữa anh và chị N. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề nợ chung theo yêu cầu của chị N, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[11] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu N đối với bị đơn anh Trần Công T về việc tranh chấp ly hôn.

1.1 Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu N được ly hôn với anh Trần Công T. Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu N và anh Trần Công T chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 111, Quyền số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/7/2011 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Giao hai con chung tên Trần Công P, sinh ngày 15/3/2009 và Trần Thị Thiên M, sinh ngày 20/7/2011 cho chị Nguyễn Thị Thu N tiếp tục nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trần Công T.

Anh Trần Công T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3 Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

1.4 Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị N đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0008837 ngày 29/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị N đã nộp đầy đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- UBND phường Tân Chánh Hiệp,
Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (3).

Trần Thị Hồng Cẩm